

## THÔNG BÁO

### **Kết quả và danh sách dự kiến người trúng tuyển hợp đồng lao động làm giáo viên, năm học 2025-2026 theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ đối với các trường công lập thuộc UBND xã Biện Thượng**

Thực hiện Công văn số 4230/SNV-CCVC ngày 11/8/2025 của Sở Nội vụ tỉnh Thanh Hóa về việc thực hiện hợp đồng làm giáo viên, năm học 2025-2026 theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ; Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Biện Thượng về việc xét tuyển lao động hợp đồng làm giáo viên theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ đối với các trường công lập thuộc UBND xã Biện Thượng; Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 13/10/2025 về việc thành lập Hội đồng xét tuyển hợp đồng làm giáo viên, năm học 2025 - 2026 theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ đối với các trường công lập thuộc UBND xã Biện Thượng;

Hội đồng xét tuyển hợp lao động làm giáo viên theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP xã Biện Thượng trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được giao đã tiến hành kiểm tra các tiêu chuẩn, điều kiện, văn bằng, chứng chỉ của người dự tuyển trong hồ sơ đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển hợp đồng lao động làm giáo viên theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP xã Biện Thượng, kết quả cụ thể như sau:

**1. Kết quả thu hồ sơ:** 74 hồ sơ, trong đó:

- Giáo viên Văn hoá Tiểu học: 25 hồ sơ;
- Giáo viên Tiếng Anh Tiểu học: 12 hồ sơ;
- Giáo viên Tiếng Anh THCS: 11 hồ sơ;
- Giáo viên Ngữ văn THCS: 17 hồ sơ;
- Giáo viên Mỹ thuật THCS: 02 hồ sơ;
- Giáo viên Lịch sử hoặc KHXH: 07 hồ sơ;

**2. Số hồ sơ đủ điều kiện dự xét:** 74/74 hồ sơ đủ điều kiện dự tuyển, cụ thể như sau:

- Giáo viên Văn hoá Tiểu học: 25 hồ sơ;
- Giáo viên Tiếng Anh Tiểu học: 12 hồ sơ;
- Giáo viên Tiếng Anh THCS: 11 hồ sơ;
- Giáo viên Ngữ văn THCS: 17 hồ sơ;
- Giáo viên Mỹ thuật THCS: 02 hồ sơ;
- Giáo viên Lịch sử hoặc KHXH: 07 hồ sơ;

### **3. Kết quả xét tuyển hợp đồng lao động làm giáo viên theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP**

Số thí sinh trúng tuyển là 19 người, cụ thể theo từng vị trí dự tuyển như sau:

- Vị trí dự tuyển Giáo viên Văn hoá Tiểu học: 07 người theo thứ tự Điểm xét tuyển từ cao xuống thấp;
- Vị trí dự tuyển Giáo viên Tiếng Anh Tiểu học: 03 người (trong đó: 01 người có thời gian hợp đồng lao động đúng vị trí việc làm dự tuyển và 02 người theo thứ tự Điểm xét tuyển từ cao xuống thấp);
- Vị trí dự tuyển Giáo viên Ngữ văn: 04 người (trong đó: 01 người có thời gian hợp đồng lao động đúng vị trí việc làm dự tuyển và 03 người theo thứ tự Điểm xét tuyển từ cao xuống thấp);
- Vị trí dự tuyển Giáo viên Tiếng Anh THCS: 03 người (trong đó: 01 người có thời gian hợp đồng lao động đúng vị trí việc làm dự tuyển và 02 người theo thứ tự Điểm xét tuyển từ cao xuống thấp);
- Vị trí dự tuyển Giáo viên Mỹ thuật THCS: 01 người theo thứ tự Điểm xét tuyển từ cao xuống thấp;
- Vị trí dự tuyển Giáo viên Lịch sử hoặc KHXH: 01 người có thời gian hợp đồng lao động đúng vị trí việc làm dự tuyển.

*(có Danh sách kèm theo).*

Hội đồng xét tuyển lao động hợp đồng giáo viên theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP xã Biện Thượng gửi thông báo này đến các cá nhân đăng ký dự xét lao động hợp đồng giáo viên theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP và công khai trên Cổng thông tin điện tử xã Biện Thượng tại địa chỉ: [bienthuong.thanhhoa.gov.vn](http://bienthuong.thanhhoa.gov.vn).

Đề nghị các thí sinh có tên trong danh sách nêu trên kiểm tra, đối chiếu lại các thông tin cá nhân, nếu có thông tin cần đính chính, đề nghị các thí sinh phản ánh về Hội đồng xét tuyển (qua Phòng Văn hóa - Xã hội, UBND xã Biện Thượng - Địa chỉ: Thôn Bồng Trung 2, xã Biện Thượng - Trụ sở UBND xã Minh Tân cũ) chậm nhất vào ngày **29/10/2025** để kiểm tra, đối chiếu và điều chỉnh thông tin.

Hội đồng xét tuyển hợp đồng giáo viên theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP xã Biện Thượng thông báo để các cơ quan, đơn vị liên quan và các thí sinh dự tuyển biết và thực hiện theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch UBND xã (b/c);
- Các PCT UBND xã;
- Các thí sinh dự xét tuyển LĐHĐ;
- Thành viên Hội đồng xét tuyển;
- Thành viên Ban Giám sát;
- Các trường học trong xã;
- Cổng Thông tin điện tử xã (thông báo);
- Lưu: VT, HĐXT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN  
CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ  
Hà Minh Đoan**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BIỆN THƯỢNG  
**HĐ XÉT TUYỂN HDGV THEO NĐ 111/2022/NĐ-CP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH**  
**DỰ KIẾN TRÚNG TUYỂN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG LÀM GIÁO VIÊN THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 111/2022/NĐ-CP**  
**NĂM HỌC 2025-2026**

*( Kèm theo Thông báo số 03/TB - HDXT ngày 24/10/2025 của Hội đồng xét tuyển hợp đồng lao động giáo viên theo NĐ 111/2022/NĐ-CP)*

| STT      | Họ và tên thí sinh                | Ngày, tháng năm sinh | Địa chỉ thường trú             | Trình độ chuyên môn  | Xếp loại tốt nghiệp | Điểm trung bình toàn khóa của trình độ Đại học theo thang điểm 10 | Đối tượng ưu tiên (nếu có) | Hợp đồng lao động làm giáo viên đúng vị trí dự tuyển (nếu có) | Dự kiến trúng tuyển/không trúng tuyển |
|----------|-----------------------------------|----------------------|--------------------------------|----------------------|---------------------|---|----------------------------|---|---------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Giáo viên Văn hóa Tiểu học</b> |                      |                                |                      |                     |   |                            |   |                                       |
| 1        | Đoàn Thị Hạnh                     | 09/10/2003           | Thôn 2, xã Thạch Bình          | CN Giáo dục tiểu học | Giỏi                | 8,11  |                            |   | Trúng tuyển                           |
| 2        | Đỗ Thị Hằng                       | 31/03/2003           | Thôn 1, xã Thạch Bình          | CN Giáo dục tiểu học | Giỏi                | 8,06  |                            |   | Trúng tuyển                           |
| 3        | Trịnh Hồng Nhung                  | 15/12/2003           | Thôn Liên Hưng, xã Kim Tân     | CN Giáo dục tiểu học | Giỏi                | 7,94  |                            |   | Trúng tuyển                           |
| 4        | Trịnh Thị Thu Hiền                | 17/03/2001           | Xóm 6, xã Biện Thượng          | CN Giáo dục tiểu học | Giỏi                | 7,85  |                            |   | Trúng tuyển                           |
| 5        | Lê Thị Linh Nhi                   | 16/07/2002           | Thôn 2 Tân Sơn, xã Kim Tân     | CN Giáo dục tiểu học | Giỏi                | 7,84  |                            |   | Trúng tuyển                           |
| 6        | Nguyễn Thị Vũ Tuyết               | 12/08/2003           | Thôn Hoàng Thành, xã Kim Tân   | CN Giáo dục tiểu học | Giỏi                | 7,83  |                            |   | Trúng tuyển                           |
| 7        | Đỗ Thị Ly                         | 20/02/2003           | Thôn 8, xã Xuân Bình           | CN Giáo dục tiểu học | Giỏi                | 7,81  |                            |   | Trúng tuyển                           |
| 8        | Ngô Thị Trang                     | 10/12/1989           | Xóm Đông Thẳng, xã Biện Thượng | CN Giáo dục tiểu học | Giỏi                | 7,79  |                            |   | Không trúng tuyển                     |
| 9        | Nguyễn Thị Hồng Hà                | 05/07/2003           | Thôn 6, xã Biện Thượng         | CN Giáo dục tiểu học | Giỏi                | 7,76  |                            |   | Không trúng tuyển                     |
| 10       | Lê Trung Sơn                      | 02/01/2000           | Thôn Giang Đông, xã Vĩnh Lộc   | CN Giáo dục tiểu học | Khá                 | 7,73  |                            |   | Không trúng tuyển                     |
| 11       | Phạm Quang Khải                   | 10/10/2003           | Thôn 1, xã Thạch Bình          | CN Giáo dục tiểu học | Khá                 | 7,66  |                            |   | Không trúng tuyển                     |

| STT       | Họ và tên thí sinh                  | Ngày, tháng năm sinh | Địa chỉ thường trú              | Trình độ chuyên môn  | Xếp loại tốt nghiệp | Điểm trung bình khóa của trình độ Đại học theo thang điểm 10 | Đối tượng ưu tiên (nếu có) | Hợp đồng lao động làm giáo viên đúng vị trí dự tuyển (nếu có) | Dự kiến trúng tuyển/không trúng tuyển |
|-----------|-------------------------------------|----------------------|---------------------------------|----------------------|---------------------|--|----------------------------|---|---------------------------------------|
| 12        | Đỗ Thị Ngọc                         | 09/01/2003           | Thôn Liên Hưng, xã Kim Tân      | CN Giáo dục tiểu học | Giỏi                | 7,63   |                            |   | Không trúng tuyển                     |
| 13        | Lê Khánh Linh                       | 29/10/2003           | Làng Thọ Phú, xã Kiên Thọ       | CN Giáo dục tiểu học | Khá                 | 7,58   |                            |   | Không trúng tuyển                     |
| 14        | Bùi Thị Thu Trang                   | 10/06/2003           | Thôn Mục Long, xã Thành Vinh    | CN Giáo dục tiểu học | Khá                 | 7,56   | Dân tộc Mường              |   | Không trúng tuyển                     |
| 15        | Nguyễn Thị Phương                   | 07/01/2001           | Thôn Quyết Thắng, xã Thành Vinh | CN Giáo dục tiểu học | Khá                 | 7,53   |                            |   | Không trúng tuyển                     |
| 16        | Trương Thị Hạnh                     | 17/04/2003           | Thôn Tôm, xã Điền Lư            | CN Giáo dục tiểu học | Khá                 | 7,47   | Dân tộc Thái               |   | Không trúng tuyển                     |
| 17        | Trương Thị Thắm                     | 03/12/2003           | Thôn Tây Hương, xã Thành Vinh   | CN Giáo dục tiểu học | Khá                 | 7,47   | Dân tộc Mường              |   | Không trúng tuyển                     |
| 18        | Quách Thị Thủy                      | 04/08/2003           | Thôn Mục Long, xã Thành Vinh    | CN Giáo dục tiểu học | Khá                 | 7,30   | Dân tộc Mường              |   | Không trúng tuyển                     |
| 19        | Hà Thị Tố Uyên                      | 24/05/2003           | Làng Viên, xã Giao An           | CN Giáo dục tiểu học | Khá                 | 7,27   | Dân tộc Mường              |   | Không trúng tuyển                     |
| 20        | Phạm Thị Hương                      | 20/02/2003           | Thôn Mỹ, xã Điền Lư             | CN Giáo dục tiểu học | Khá                 | 7,22   |                            |   | Không trúng tuyển                     |
| 21        | Trần Thị Duyên                      | 20/04/2002           | Thôn Lâm Thành, xã Kim Tân      | CN Giáo dục tiểu học | Khá                 | 7,14   |                            |   | Không trúng tuyển                     |
| 22        | Thiều Vũ Anh Đức                    | 20/08/2003           | Thôn Mỹ Nhân, xã Thiệu Hóa      | CN Giáo dục tiểu học | Khá                 | 6,99   |                            |   | Không trúng tuyển                     |
| 23        | Đình Minh Quý                       | 26/03/2003           | Thôn Yên Sơn 2, xã Thành Vinh   | CN Giáo dục tiểu học | Khá                 | 6,92   | Dân tộc Mường              |   | Không trúng tuyển                     |
| 24        | Nguyễn Tùng Dương                   | 09/09/2003           | Thôn Xuân Quang, xã Thiệu Hóa   | CN Giáo dục tiểu học | Trung bình          | 6,25   |                            |   | Không trúng tuyển                     |
| 25        | Nguyễn Thị Thu                      | 02/09/1968           | Xã Biện Thượng                  | ĐHSP Tiểu học        | Trung bình khá      | 0  |                            | GV về hưu   | Không trúng tuyển                     |
| <b>II</b> | <b>Giáo viên Tiếng Anh Tiểu học</b> |                      |                                 |                      |                     |  |                            |   |                                       |
| 1         | Trần Minh Hải                       | 27/11/1985           | Phố Kết, Phường Hàm Rồng        | CNSP Tiếng Anh       | Khá                 | 7,61   |                            | GV Tiểu học từ 09/2007 đến 02/2014 trường TH                  | Trúng tuyển                           |

| STT        | Họ và tên thí sinh            | Ngày, tháng năm sinh | Địa chỉ thường trú                | Trình độ chuyên môn    | Xếp loại tốt nghiệp | Điểm trung bình toàn khóa của trình độ Đại học theo thang điểm 10 | Đối tượng ưu tiên (nếu có) | Hợp đồng làm giáo viên đúng vị trí dự tuyển (nếu có) | Dự kiến trúng tuyển/không trúng tuyển |
|------------|-------------------------------|----------------------|-----------------------------------|------------------------|---------------------|---|----------------------------|--|---------------------------------------|
|            |                               |                      |                                   |                        |                     |   |                            | Vĩnh Phúc  |                                       |
| 2          | Nguyễn Thị Huyền              | 01/05/1999           | Thôn 9, xã Biện Thượng            | CN Ngôn ngữ Anh        | Giỏi                | 8,89  |                            |  | Trúng tuyển                           |
| 3          | Vũ Thị Hà Trang               | 03/01/2001           | Thôn 12, xã Biện Thượng           | CN Ngôn ngữ Anh        | Xuất sắc            | 8,50  |                            |  | Trúng tuyển                           |
| 4          | Lê Thị Minh Hòa               | 15/12/2000           | Thôn Kim Quan Sơn, xã Hà Trung    | CN Ngôn ngữ Anh        | Khá                 | 7,80  |                            |  | Không trúng tuyển                     |
| 5          | Trương Thị Quỳnh              | 21/04/2003           | Thôn Vân Đình, xã Thành Vinh      | CNSP Tiếng Anh         | Khá                 | 7,47  | Dân tộc Mường              |  | Không trúng tuyển                     |
| 6          | Vũ Thị Thủy                   | 24/02/2000           | Thôn 1, xã Thọ Long               | CN Ngôn ngữ Anh        | Khá                 | 7,46  |                            |  | Không trúng tuyển                     |
| 7          | Trần Thị Phương Thảo          | 27/08/1998           | Thôn 3, xã Biện Thượng            | CN Ngôn ngữ Anh        | Khá                 | 7,45  |                            |  | Không trúng tuyển                     |
| 8          | Nguyễn Thị Huyền              | 04/12/2000           | Thôn 1, xã Biện Thượng            | CN Ngôn ngữ Anh        | Khá                 | 7,25  |                            |  | Không trúng tuyển                     |
| 9          | Lê Thị Tố Lan                 | 03/01/2003           | Thôn 4, phường Đông Sơn           | CNSP Tiếng Anh         | Khá                 | 7,16  |                            |  | Không trúng tuyển                     |
| 10         | Vũ Thị Minh                   | 20/10/1982           | Thôn Cầu Mư, xã Tây Đô            | CN Ngoại ngữ Tiếng Anh | Trung bình khá      | 6,92  |                            |  | Không trúng tuyển                     |
| 11         | Đào Thị Vân Anh               | 12/02/2002           | Phố Chiến Thắng, phường Quảng Phú | CNSP Tiếng Anh         | Khá                 | 6,70  |                            |  | Không trúng tuyển                     |
| 12         | Cầm Thị Thảo Nguyên           | 30/04/2003           | Thôn 7, xã Xuân Du                | CNSP Tiếng Anh         | Trung bình          | 6,46  | Dân tộc Thái               |  | Không trúng tuyển                     |
| <b>III</b> | <b>Giáo viên Ngữ văn THCS</b> |                      |                                   |                        |                     |   |                            |  |                                       |
| 1          | Nguyễn Thị Diệp               | 30/10/1983           | Thôn Vệ Thôn, xã Định Tân         | CNSP Ngữ văn           | Trung bình khá      | 6,10  |                            | GV THCS từ 01/2009 đến 8/2016 trường THCS Định Hưng  | Trúng tuyển                           |
| 2          | Nguyễn Thị Ngọc Viên          | 07/10/2003           | Thôn Việt Yên, xã Quảng Phú       | CNSP Ngữ văn           | Giỏi                | 8,33  |                            |  | Trúng tuyển                           |
| 3          | Lê Thùy Linh                  | 07/01/2003           | Thôn Tượng Liên, xã Thạch Quảng   | CNSP Ngữ văn           | Xuất sắc            | 8,28  | Dân tộc Mường              |  | Trúng tuyển                           |

| STT       | Họ và tên thí sinh              | Ngày, tháng năm sinh | Địa chỉ thường trú                | Trình độ chuyên môn                    | Xếp loại tốt nghiệp | Điểm trung bình toàn khóa của trình độ Đại học theo thang điểm 10 | Đối tượng ưu tiên (nếu có) | Hợp đồng lao động làm giáo viên đúng vị trí dự tuyển (nếu có) | Dự kiến trúng tuyển/không trúng tuyển |
|-----------|---------------------------------|----------------------|-----------------------------------|--|---------------------|---|----------------------------|---|---------------------------------------|
| 4         | Nguyễn Thị Thu                  | 18/11/2002           | Thôn 1 Lê Lợi, xã Hoàng Hóa       | CNSP Ngữ văn                           | Giỏi                | 8,16  |                            |   | Trúng tuyển                           |
| 5         | Trịnh Thị Hoa                   | 13/03/2003           | Thôn Trịnh Điện, xã Định Tân      | CNSP Ngữ văn                           | Giỏi                | 8,15  |                            |   | Không trúng tuyển                     |
| 6         | Lê Thị Duyên                    | 29/12/2001           | Tổ dân phố 4, phường Đông Sơn     | CNSP Ngữ văn                           | Giỏi                | 8,07  |                            |   | Không trúng tuyển                     |
| 7         | Bùi Thị Mỹ Hoa                  | 06/08/2003           | Thôn Bình Sậy, xã Thạch Bình      | CNSP Ngữ văn                           | Giỏi                | 7,75  | Dân tộc Mường              |   | Không trúng tuyển                     |
| 8         | Bùi Thị Ly                      | 03/10/2003           | Xã Xuân Du                        | CNSP Ngữ văn                           | Giỏi                | 7,71  | Dân tộc Mường              |   | Không trúng tuyển                     |
| 9         | Trương Thị Thu Hà               | 14/04/1991           | Thôn 14, xã Biện Thượng           | CNSP Ngữ văn                           | Khá                 | 7,61  | Dân tộc Mường              |   | Không trúng tuyển                     |
| 10        | Đỗ Thị Hòa                      | 01/01/1980           | Thôn 6, xã Biện Thượng            | CNKH Ngữ văn - Thạc sĩ lý luận Văn học | Khá                 | 7,61  | Con TB - CDDC              |   | Không trúng tuyển                     |
| 11        | Nguyễn Thị Huyền                | 21/07/1996           | Thôn Quán Lào 2, xã Yên Định      | CNSP Ngữ văn                           | Khá                 | 7,39  |                            |   | Không trúng tuyển                     |
| 12        | Trương Thị Tuyết                | 05/01/2003           | Thôn Sơn Thủy, xã Quý Lương       | CNSP Ngữ văn                           | Khá                 | 7,34  | Dân tộc Mường              |   | Không trúng tuyển                     |
| 13        | Hoàng Thị Hạnh                  | 17/02/1998           | Thôn 6, xã Biện Thượng            | CNSP Ngữ văn                           | Khá                 | 7,33  |                            |   | Không trúng tuyển                     |
| 14        | Ngô Thị Năm                     | 01/05/1986           | Xóm Đông Thẳng, xã Biện Thượng    | CN Ngữ văn                             | Khá                 | 7,28  |                            |   | Không trúng tuyển                     |
| 15        | Lê Thị Ngọc Thúy                | 04/05/1996           | Thôn Hải Quật, xã Định Hòa        | CNSP Ngữ văn                           | Khá                 | 7,17  |                            |   | Không trúng tuyển                     |
| 16        | Trịnh Thị Hằng                  | 17/05/1995           | Khu phố Đoàn Kết, xã Lam Sơn      | CNSP Ngữ văn                           | Khá                 | 7,08  |                            |   | Không trúng tuyển                     |
| 17        | Lê Thị Phương Linh              | 17/03/2003           | Thôn Quán Lào 3, xã Yên Định      | CNSP Ngữ văn                           | Khá                 | 7,02  |                            |   | Không trúng tuyển                     |
| <b>IV</b> | <b>Giáo viên Tiếng Anh THCS</b> |                      |                                   |  |                     |   |                            |   |                                       |
| 1         | Trịnh Thị Thủy                  | 26/03/1982           | Thôn Bồng Trung 2, xã Biện Thượng | CN Tiếng Anh Sư Phạm                   | Khá                 | 7,00  |                            | GV THCS từ 01/2009 đến 6/2016 trường                          | Trúng tuyển                           |

| STT       | Họ và tên thí sinh                 | Ngày, tháng năm sinh | Địa chỉ thường trú              | Trình độ chuyên môn | Xếp loại tốt nghiệp | Điểm trung bình khóa của trình độ Đại học theo thang điểm 10 | Đối tượng ưu tiên (nếu có) | Hợp đồng lao động làm giáo viên đúng vị trí dự tuyển (nếu có) | Dự kiến trúng tuyển/không trúng tuyển |
|-----------|------------------------------------|----------------------|---------------------------------|---------------------|---------------------|--|----------------------------|---|---------------------------------------|
|           |                                    |                      |                                 |                     |                     |  |                            | THCS Vĩnh Tân   |                                       |
| 2         | Đoàn Thị Hiền                      | 15/09/2003           | Thôn 2, xã Thạch Bình           | CNSP Tiếng Anh      | Giỏi                | 7,94   |                            |   | Trúng tuyển                           |
| 3         | Lê Thị Hiền                        | 29/06/2003           | Thôn Thọ Trường, xã Thăng Bình  | CNSP Tiếng Anh      | Giỏi                | 7,87   |                            |   | Trúng tuyển                           |
| 4         | Lê Trung Hải                       | 12/02/2002           | Thôn 2, xã Biện Thượng          | CNSP Tiếng Anh      | Giỏi                | 7,73   |                            |   | Không trúng tuyển                     |
| 5         | Lê Thị Dung                        | 20/09/1990           | Thôn Đồng Mục, xã Vĩnh Hùng     | CN Ngôn ngữ Anh     | Khá                 | 7,66   |                            |   | Không trúng tuyển                     |
| 6         | Lê Thị Thùy                        | 16/08/2003           | Thôn Nhân Hòa, xã Hoàng Giang   | CNSP Tiếng Anh      | Khá                 | 7,34   |                            |   | Không trúng tuyển                     |
| 7         | Phạm Lê Thảo Nguyên                | 05/11/2003           | Đường Phú Quý, phường Hạc Thành | CNSP Tiếng Anh      | Khá                 | 7,19   |                            |   | Không trúng tuyển                     |
| 8         | Vũ Thị Phương Thảo                 | 14/11/2002           | Khu phố Hà Lương, xã Vĩnh Lộc   | CNSP Tiếng Anh      | Khá                 | 7,15   |                            |   | Không trúng tuyển                     |
| 9         | Hoàng Thùy Dương                   | 17/11/2003           | Thôn Phiến Thôn, xã Cẩm tân     | CNSP Tiếng Anh      | Khá                 | 6,92   |                            |   | Không trúng tuyển                     |
| 10        | Bùi Thanh Huyền                    | 12/11/2003           | Thôn 3, xã Kim Tân              | CNSP Tiếng Anh      | Khá                 | 6,90   | Dân tộc Mường              |   | Không trúng tuyển                     |
| 11        | Hồ Thị Nga                         | 13/01/2002           | Phường Hải Lĩnh                 | CNSP Tiếng Anh      | Khá                 | 6,88   |                            |   | Không trúng tuyển                     |
| <b>V</b>  | <b>Giáo viên Mỹ Thuật THCS</b>     |                      |                                 |                     |                     |  |                            |   |                                       |
| 1         | Trịnh Thị Trang                    | 30/10/1986           | Thôn Phương Giai, xã Tây Đô     | CNSP Mỹ thuật       | Khá                 | 7,71   |                            |   | Trúng tuyển                           |
| 2         | Nguyễn Duy Khánh                   | 11/10/2003           | Thôn Thành Phú, xã Yên Định     | CNSP Mỹ thuật       | Khá                 | 7,24   |                            |   | Không trúng tuyển                     |
| <b>VI</b> | <b>Giáo viên Lịch sử hoặc KHXH</b> |                      |                                 |                     |                     |  |                            |   |                                       |
| 1         | Nguyễn Thị Tươi                    | 08/12/1986           | Thôn 4, xã Biện Thượng          | CNKH Lịch sử        | Khá                 | 7,07   |                            | GV THCS từ 12/2009 đến 6/2016 trường THCS Vĩnh An             | Trúng tuyển                           |

| STT | Họ và tên thí sinh   | Ngày, tháng năm sinh | Địa chỉ thường trú             | Trình độ chuyên môn   | Xếp loại tốt nghiệp | Điểm trung bình toàn khóa của trình độ Đại học theo thang điểm 10 | Đối tượng ưu tiên (nếu có) | Hợp đồng lao động làm giáo viên đúng vị trí dự tuyển (nếu có) | Dự kiến trúng tuyển/không trúng tuyển |
|-----|----------------------|----------------------|--------------------------------|-----------------------|---------------------|---|----------------------------|---|---------------------------------------|
| 2   | Lê Thị Nguyễn        | 06/07/2003           | Thôn Minh Thạch, xã Nguyệt Ấn  | CNSP Lịch sử          | Giỏi                | 8,14  | Dân tộc Mường              |   | Không trúng tuyển                     |
| 3   | Trương Thị Lệ Khuyên | 16/02/2003           | Thôn Vân Đình, xã Thành Vinh   | CNSP Lịch sử          | Giỏi                | 8,06  | Dân tộc Mường              |   | Không trúng tuyển                     |
| 4   | Nguyễn Thị Giang     | 03/11/2003           | Thôn Quan Phác, xã Cẩm Vân     | CNSP Lịch sử          | Giỏi                | 7,81  |                            |   | Không trúng tuyển                     |
| 5   | Lưu Hoàng Nam        | 25/06/2003           | Thôn Định Hưng, xã Kim Tân     | CNSP Lịch sử - Địa lý | Khá                 | 7,71  |                            |   | Không trúng tuyển                     |
| 6   | Trương Thị Lý        | 06/08/1988           | Thôn Kim Quan Sơn, xã Hà Trung | CNSP Lịch sử          | Khá                 | 7,55  | Dân tộc Mường              |   | Không trúng tuyển                     |
| 7   | Phạm Thị Mơ          | 08/02/1992           | Thôn Bồi Sim, xã Yên Định      | CNSP Lịch sử          | Khá                 | 7,21  |                            |   | Không trúng tuyển                     |